

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 328/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị
Trần Thị Trà M và anh Trần Tuấn H

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quý.

Ông Nguyễn Văn Công.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Vũ Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 239/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Trà M, sinh ngày: 10-10- 2002; số căn cước công dân: 036302003250; nơi thường trú: Số A đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số I đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Tuấn H, sinh ngày: 18-3-2000; số căn cước công dân: 036200014855; nơi thường trú: Số A đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số I đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 21-5-2025, bản tự khai ngày 06-6-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Trà M trình bày:

Chị và anh Trần Tuấn H tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 2020, có thời gian tìm hiểu nhau trước khoảng 02 năm. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T (nay là phường N), thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 04-11-2020.

Sau khi kết hôn, chị và anh Trần Tuấn H chung sống với nhau tại địa chỉ: Số A đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau đó, vợ chồng đã chuyển về ở tại địa chỉ: Số I đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Về quá trình chung sống: Vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến tháng 01/2025 thì xảy ra mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau nên thường xảy ra bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Anh Trần Tuấn H ham chơi, không chăm lo cho gia đình. Ngoài ra, trong quá trình chung sống thì chị không có sự hòa hợp với mẹ chồng. Chị và anh Trần Tuấn H đã nhiều lần nói chuyện với nhau và đã được gia đình, bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn kéo dài, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2025 cho đến nay. Hiện tại chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Tuấn H.

Về con chung: Chị và anh Trần Tuấn H có 01 con chung là Trần Hoàng Minh K, sinh ngày 04-6-2020. Hiện tại cháu K đang ở cùng với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu K và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ của vợ chồng: Chị Trần Thị Trà M trình bày không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Anh Trần Tuấn H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc, không đưa ra quan điểm của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trà M.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình

theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

- Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Trà M và anh Trần Tuấn H.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp nuôi con Trần Hoàng Minh K, sinh ngày 04-6-2020. Anh Trần Tuấn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Buộc chị Trần Thị Trà M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Trà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Tuấn H, giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Tuấn H không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là anh Trần Tuấn H có nơi thường trú: Số A đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số I đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Trà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trần Tuấn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Tuấn H tổ chức lễ cưới vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau trước khoảng 02 năm. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T nay là phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 04-11-2020. Như vậy hôn nhân giữa chị M và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị M và anh H chung sống bình thường cho đến khoảng đầu năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng về quan điểm sống. Hai bên đã ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Hiện tại chị M xác định không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn của vợ chồng không thể khắc phục và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; bản thân anh H cũng không hợp tác để hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử lý hôn giữa chị Trần Thị Trà M và anh Trần Tuấn H.

2.2. Về con chung:

Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Tuấn H có 01 con chung là Trần Hoàng Minh K, sinh ngày 04-6-2020. Xét thấy sau khi ly hôn chị Trần Thị Trà M có thu nhập và đủ điều kiện để nuôi con nên Hội đồng xét xử sẽ giao cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp nuôi con Trần Hoàng Minh K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị Trần Thị Trà M không yêu cầu anh Trần Tuấn H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Trần Thị Trà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Trần Thị Trà M là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị M đã nộp khi khởi kiện sẽ được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Trà M và anh Trần Tuấn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp nuôi con Trần Hoàng Minh K, sinh ngày 04-6-2020, giới tính: Nam, số định danh cá nhân: 036220014922.

Anh Trần Tuấn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Tuấn H vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí:

Chị Trần Thị Trà M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Trà M đã nộp tại biên lai số 0002842 ngày 21-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Chị Trần Thị Trà M đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Tuấn H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Năng Tĩnh;
(ĐKKH số 30 ngày 04-11-2020)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Tuấn